TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14/4/2023
V/v: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Quốc Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hương.

Ông Lê Quang Vinh.

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa***: Bà Cao Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa***:

Bà Lữ Thị Phương Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 91/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022, về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn***: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn N, xã Quảng Phúc, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

* ***Bị đơn***: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1991.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn N, xã Quảng Phúc, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú hiện nay: Nhật Bản.

(Tại phiên tòa vắng mặt anh Nguyễn Văn N. Chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/7/2022, tại bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn N tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 21/11/2014 tại UBND xã Quảng Phúc, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống tại xã Quảng Phúc, huyện

Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Thời gian đầu chung sống hòa thuận hạnh phúc như bao gia đình khác, có những lúc cũng xảy ra mâu thuẫn, xích mích nhưng vợ chồng chị vẫn cố gắng cùng giải hòa và vun vén hạnh phúc gia đình để nuôi dạy con. Tuy nhiên, do gánh nặng về kinh tế, vợ chồng bắt đầu bất đồng quan điểm sống, chị và anh N thường xuyên xảy ra tranh cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện với nhau, cố gắng hàn gắn tình cảm để cùng nhau vun vén cuộc sống gia đình, cùng nhau chăm sóc con, nhưng không thành. Do vậy, đến năm 2018, anh Nguyễn Văn N đi làm ăn xa, cụ thể là đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Vì khoảng cách địa lý nên tình cảm vợ chồng cũng phai nhạt dần, ngày càng phát sinh nhiều mâu thuẫn về quan điểm sống, cách nuôi dạy con cái, cả hai không còn liên lạc với nhau, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị H xét thấy tình cảm giữa chị và anh N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị M, sinh ngày 12/9/2015. Chị yêu cầu Tòa xem xét cho chị được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Trang. Không yêu cầu anh Nguyễn Văn N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Tại đơn trình bày nguyện vọng ngày 11/11/2022 của cháu Nguyễn Thị M, thể hiện: Bố mẹ cháu ly hôn, cháu có mong muốn được ở với mẹ.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung hay công nợ gì nên chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị H cũng trình bày: Chị biết anh N đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản nhưng không biết địa chỉ cụ thể nên đã làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thu thập thông tin xuất nhập cảnh đối với anh NguyễnVăn Nam. Tại Công văn số 18208/QL-XNC-P5 ngày 31/8/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an trả lời: Anh Nguyễn Văn N, sinh ngày 22/12/1991 đã xuất cảnh ngày 21/8/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Anh N vẫn thường xuyên liên lạc với bố mẹ đẻ là ông Nguyễn Văn Khanh và bà Nguyễn Thị Dung, địa chỉ ở Thôn N, xã Quảng Phúc, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, chị H đề nghị Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ thêm thông tin từ bố mẹ đẻ anh N.

Ngày 10/02/2023 và 02/3/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thu thập chứng cứ tại gia đình ông Nguyễn Văn Khanh và bà Nguyễn Thị Dung, giao Thông báo thụ lý và Quyết định đưa vụ án ra xét xử để ông Khanh, bà Dung thông báo cho anh N về quá trình giải quyết vụ án. Ông Khanh, bà Dung đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Toà án và sẽ thông báo lại cho anh N.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 10/02/2023 và ngày 02/3/2023, ông Khanh và bà Dung trình bày: Ông bà là bố, mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn N. Anh N và chị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Phúc huyện Quảng Xương năm 2014 và làm đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi cưới, anh N và chị H chung sống với gia đình ông bà. Quá trình chung sống hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Đến năm 2018, mới xảy ra mâu thuẫn. Sau đó anh N đi lao động tại Nhật Bản và từ đó đến nay không về

nhà. Anh N, chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị M như chị H trình bày là đúng. Về việc chị H xin ly hôn với anh N, xin được nuôi con chung, cấp dương nuôi con hay tài sản, nợ chung của vợ chồng như thế nào ông, bà không có ý kiến gì. Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, xử cho chị H được ly hôn anh Nguyễn Văn N; Về con chung giao cháu Nguyễn Thị M, sinh ngày 12/9/2015 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cấp dương nuôi con chung và tài sản đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) không giải quyết. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến củaViện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*:

[1.1]. *Về thẩm quyền của Tòa án*: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn đang cư trú tại tỉnh Thanh Hóa, bị đơn là anh Nguyễn Văn N đăng ký hộ khẩu tại tại UBND xã Quảng Phúc, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa nhưng hiện nay đang sinh sống và lao động tại Nhật Bản được xác nhận thông qua Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an (Tại Công văn số 18208/QL-XNC-P5 ngày 31/8/2022). Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

[1.2]. *Về việc tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn*:

Chị Nguyễn Thị H chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh N ở Việt Nam nhưng không cung cấp được địa chỉ của anh Nguyễn Văn N tại nước ngoài. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng ông Nguyễn Văn Khanh, bà Nguyễn Thị Dung (là bố mẹ đẻ của anh N) trình bày không biết địa chỉ của anh N ở Nhật Bản. Tuy anh N thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng không cung cấp địa chỉ của anh hiện nay ở nước ngoài. Ông Khanh, bà Dung vẫn thường xuyên liên lạc với anh N nên ông bà sẽ thông báo cho anh N. Đồng thời Toà án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Quảng Phúc, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục bị đơn cố tình giấu địa chỉ.

[1.3]. *Về sự vắng mặt của đương sự*: Tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Nguyễn Văn N mặc dù đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng qua người thân và niêm yết đến lần thứ hai nhưng nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. *Về nội dung*:

[2.1]. *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

Trong lời khai và các tài liệu gửi đến Tòa án, chị H đều trình bày sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian. Sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, khác biệt về tính cách, không có tiếng nói chung nên thường xuyên phát sinh các bất đồng trong cuộc sống. Cuối năm 2018 anh N đi sang Nhật Bản làm việc. Do mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã không liên hệ với nhau, chị không có địa chỉ của anh N tại Nhật Bản nên không cung cấp địa chỉ của anh N tại Nhật Bản cho Tòa án được. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

[2.2] *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn N có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị M, sinh ngày 12/9/2015. Hiện tại cháu Trang đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ. Mặt khác hiện tại anh N đang sinh sống ở nước ngoài, do đó cần giao cháu Trang cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị nên chấp nhận.

[2.3] *Về tài sản, công nợ chung*: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xét. Anh Nguyễn Văn N không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản chung, công nợ chung nên sau này nếu anh N yêu cầu thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[3]. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp.

[4]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

- *Về hôn nhân*: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

- *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Thị M sinh ngày 12/9/2015 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Nguyễn Văn N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh N có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị H cũng như các thành viên trong gia đình chị không ai được ngăn cấm, cản trở.

- *Về tài sản*: Không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị H đã nộp theo Biên lai thu số AA/2022/0000202 ngày 13/10/2022 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thanh Hóa.

Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND, VKSND cấp cao Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Quảng Phúc, H.Quảng Xương, TH;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án; Lưu Tòa GĐ & NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quốc Thành